

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi

2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Tiến D; địa chỉ: Số 538/7 Tôn Đức T, thôn A, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Huyền T; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. hiện tại đang cai nghiện tại Trường Giáo dục lao động xã hội Thanh Xuân, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Trần Tiến D trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn A, xã A,

huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Bản thân anh đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng hai bên không cải thiện được mà lại nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị T đã sống ly thân mấy năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị T bị đưa vào Trường lao động xã hội Thanh Xuân cai nghiện ma túy. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Huyền T.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Huyền T có con chung Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Tiến D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Trần Tiến D kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn A, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn hai bên đã sống ly thân mấy năm nay. Nay anh D xin ly hôn chị có quan điểm đồng ý ly hôn với anh D do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục đoàn tụ. Chị cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tiến D.

Về con chung: Chị và anh Trần Tiến D có 01 con chung Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Trần Tiến D được ly hôn chị Phạm Thị Huyền T. Về con chung: Giao con chung Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005 cho anh Trần Tiến D nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Trần Tiến D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của nguyên đơn anh Trần Tiến D và bị đơn chị Phạm Thị Huyền T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D và chị T đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Trần Tiến D, chị Phạm Thị Huyền T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân mấy năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh D và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ vợ chồng và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Dững và chị Trang là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Tiến D được ly hôn chị Phạm Thị Huyền T.

[3] Về con chung: Anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T có con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh D và chị T có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Trần Hạo N cho anh Trần Tiến D nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, điều kiện nuôi dưỡng con chung,

quan điểm của đương sự, nguyện vọng con chung muốn được ở với anh Dũng nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005 cho anh Trần Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng con chung sau ly hôn, Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Trần Tiến D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến D được ly hôn chị Phạm Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hạo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2005 cho anh Trần Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Anh Trần Tiến D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh D đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012764 ngày 01 tháng 10 năm 2020)

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Tiến D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Tiến D và chị Phạm Thị Huyền T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương